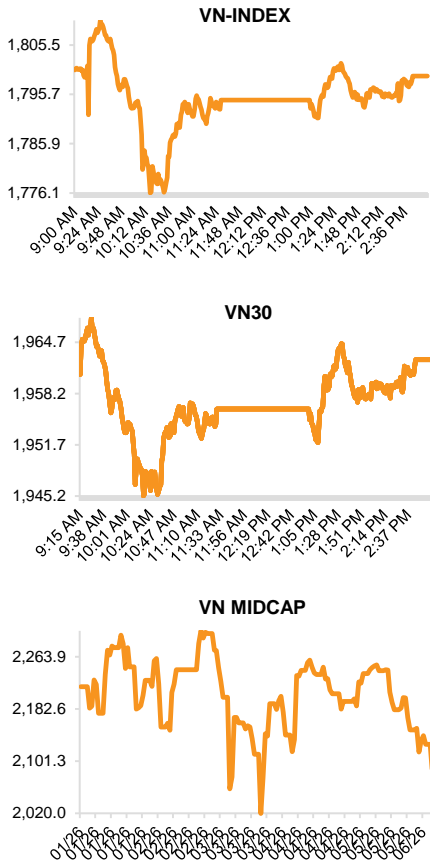


KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.799,3	310,9	126,7
1 ngày (%)	0,4	2,8	0,3
1 tháng (%)	-6,4	20,8	0,2
Từ 2026	0,8	25,0	4,7
1 năm (%)	36,8	38,3	29,9
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	320	17	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	1,0	0,8	0,3
Số mã tăng	207	80	123
Số mã giảm	97	58	120
Số mã tham chiếu	99	156	495

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng 0,4%, khối ngoại mua ròng trở lại

Phiên giao dịch ngày 15/06/2026 ghi nhận sự hồi phục tích cực sau chuỗi điều chỉnh trong tuần trước, với dòng tiền lan tỏa rộng. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.799,3 điểm, tăng 7,7 điểm (+0,4%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 199 mã tăng (10 mã tăng trần), 67 mã đứng giá và 94 mã giảm, trong đó 1 mã giảm sàn. HNX-Index cũng diễn biến cùng chiều, tăng 8,4 điểm (+2,8%) lên 310,9 điểm.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.962,5 điểm, tăng 18,1 điểm (+0,9%), với 20 mã tăng và 8 mã giảm, cho thấy nhóm vốn hóa lớn đóng vai trò dẫn dắt chính trong phiên. VN100 cũng tăng 0,9% lên 1.882,6 điểm.

Xét theo nhóm ngành, sắc xanh chiếm ưu thế trên hầu hết các lĩnh vực. Dịch vụ tài chính dẫn đầu với mức tăng 3,7%, tiếp theo là Dịch vụ bán lẻ (+3,5%), Du lịch & Giải trí (+3,4%), Tài nguyên (+3,2%) và Hàng hóa & Dịch vụ công nghiệp (+2,1%). Nhóm Ngân hàng tăng 0,9%, trong khi Thực phẩm & Đồ uống tăng 0,5%. Ở chiều ngược lại, Dầu khí là nhóm giảm mạnh nhất với mức giảm 4,6%, tiếp đến là Bất động sản (-1,1%) và Dịch vụ tiện ích (-0,9%).

Thanh khoản trên HoSE đạt 16,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,6% so với phiên trước, cho thấy dòng tiền đang có dấu hiệu cải thiện. Khối ngoại quay trở lại mua ròng mạnh với giá trị 4.208,3 tỷ đồng, chấm dứt chuỗi bán ròng kéo dài và ghi nhận phiên mua ròng lớn nhất trong 20 phiên giao dịch gần đây. Giá trị mua ròng tập trung chủ yếu ở VIC với 4.485,7 tỷ đồng, tiếp theo là HPG (166,7 tỷ đồng), MWG (138,4 tỷ đồng) và GMD (117,4 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, VHM ghi nhận giá trị bán ròng lớn nhất với 190,8 tỷ đồng, theo sau là VPB (117,4 tỷ đồng) và VCB (93,9 tỷ đồng).

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,4	174,8	3,6	2,7	-2,1	-7,0	9,3	77,1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,1	19,0	4,8	0,7	-2,3	-11,0	7,3	-18,7
Năng lượng	2,5	14,9	1,8	-4,7	-14,0	43,6	86,6	112,8
Tài chính	37,8	11,7	1,7	1,3	-1,7	1,4	24,2	21,4
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,3	2,4	0,1	-1,9	-7,1	-0,9	70,9
Công nghiệp	7,1	23,2	4,1	2,4	-2,9	-7,2	29,6	154,2
Công nghệ thông tin	1,7	13,2	3,1	0,4	0,4	-21,2	-24,1	25,1
Vật liệu xây dựng	6,0	18,6	1,8	2,7	-3,3	10,1	18,2	104,1
Bất động sản	28,7	86,1	6,9	-1,2	-13,7	8,6	240,1	48,3
Dịch vụ tiện ích	4,0	14,7	2,3	-1,4	-5,0	9,7	22,8	22,7

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Mỹ và Iran ngày 14/6 tuyên bố đạt thỏa thuận chấm dứt chiến tranh, bao gồm ngừng bắn ngay lập tức, mở lại eo biển Hormuz và Iran cam kết không phát triển vũ khí hạt nhân; lễ ký chính thức dự kiến tổ chức tại Thụy Sĩ ngày 19/6. Giá dầu Brent giảm 4,0% xuống còn 83,8 USD/thùng.
- **G7:** Hội nghị thượng đỉnh G7 tại Évian (14–17/6) tập trung vào bốn chủ đề lớn: xung đột Iran và tác động lên nguồn cung năng lượng toàn cầu; tình hình Ukraine; điều phối chính sách AI và chuỗi cung ứng; và thương mại quốc tế.
- **NHTW Anh:** BoE dự kiến giữ nguyên lãi suất ở mức 3,75% tại cuộc họp ngày 19/6. Kỳ vọng lạm phát của người dân tăng mạnh theo khảo sát của BoE.
- **NHTW Nhật:** BoJ dự kiến tăng lãi suất lên 1,0% tại cuộc họp 15–16/6, song sẽ phát tín hiệu thận trọng về tốc độ tăng tiếp theo do bất định từ xung đột Trung Đông. CPI lõi tháng 5 dự báo giữ nguyên ở 1,4% svck, tháng thứ tư liên tiếp dưới mục tiêu 2%.

Tin vĩ mô trong nước

- UOB hạ dự báo GDP Việt Nam 2026 xuống 7,0% (từ 7,5%), tăng trưởng Q2–Q3/26 có thể hạ về 6,7% do cú sốc năng lượng; lạm phát tháng 5 tăng lên 5,6% – cao nhất sáu năm.
- Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 10-NQ/TW chuyển trọng tâm FDI từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên bán dẫn, AI và kinh tế xanh; mục tiêu thu hút 40–50 tỷ USD vốn đăng ký/năm giai đoạn 2026–2030.
- Chính phủ ban hành Chỉ thị 26/CT-TTg về kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách 2027, với mục tiêu thu nội địa tăng 13–15%, giảm chi thường xuyên và tăng chi đầu tư.
- Thủ tướng Lê Minh Hưng điện đàm với Thủ tướng Trung Quốc Lý Cường (15/6), thúc đẩy kết nối hạ tầng, hợp tác công nghệ cao và phối hợp tổ chức APEC 2026–2027.
- OMO và lãi suất liên ngân hàng: Lãi suất VND LNH tăng đầu tuần rồi hạ nhiệt. Chốt ngày 12/06, lãi suất qua đêm ở mức 3,50% (-2,7 đpt) và 1 tuần ở mức 4,80% (-1,8 đpt). Tính đến tuần kết thúc ngày 12/06, NHNN hút ròng 25,7 nghìn tỷ đồng, dự nợ cầm cố lưu hành ở mức 280,2 nghìn tỷ đồng.

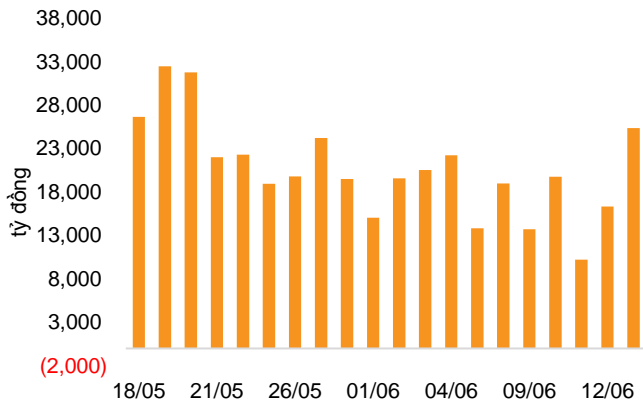
Tin ngành và doanh nghiệp

- **HPG:** Đạt mục tiêu tiêu thụ gần 15 triệu tấn thép trong năm 2026, tăng khoảng 40% svck và là mức cao nhất từ trước đến nay, nhờ Khu liên hợp gang thép Dung Quất 2 vận hành ổn định và bổ sung thêm nguồn cung thép HRC.
- **MSN:** Tiếp tục được vinh danh trong danh sách Top 50 doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu năm 2026.
- **VCG:** Hoàn tất thoái 61,0% vốn tại Viwaseen (VIW) trong giai đoạn 28/05–10/06 thông qua phương thức thỏa thuận, giảm sở hữu từ 86,0% xuống còn 25,0% và không còn là công ty mẹ của VIW; ước tính thu về khoảng 796 tỷ đồng.
- **HTN:** Chốt lịch trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt sau bốn năm chậm trễ; tỷ lệ và ngày cụ thể chưa được công bố.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

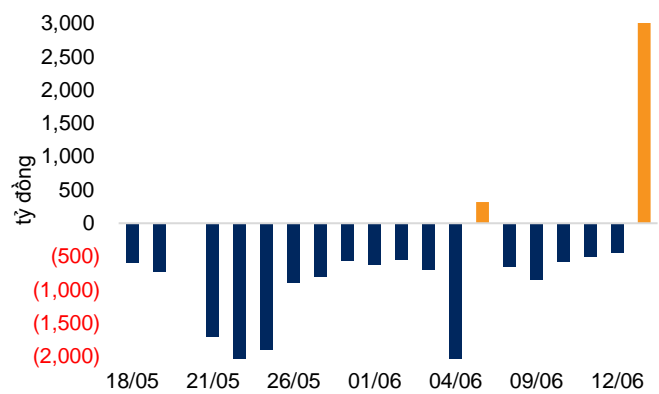
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 16/06/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 5.2026
Thứ Tư, 17/06/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 5.2026
Thứ Tư, 17/06/2026	Mỹ	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 6.2026 của Cục Dự Trữ Liên Bang (Fed)
Thứ Năm, 18/06/2026	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 6.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



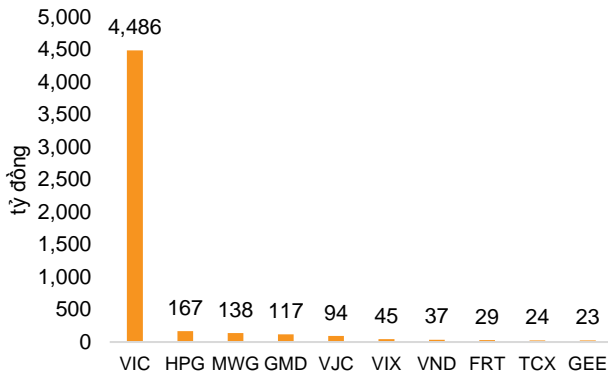
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



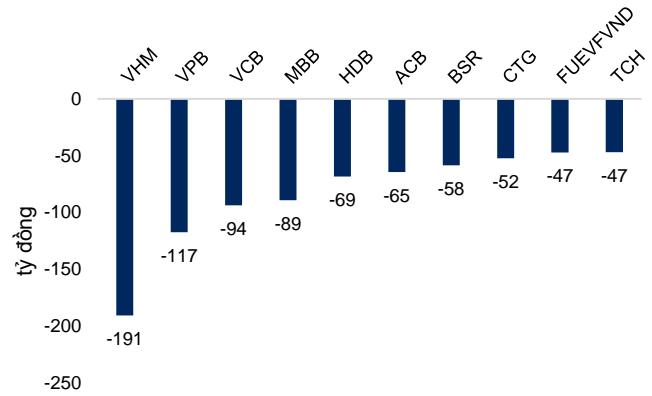
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



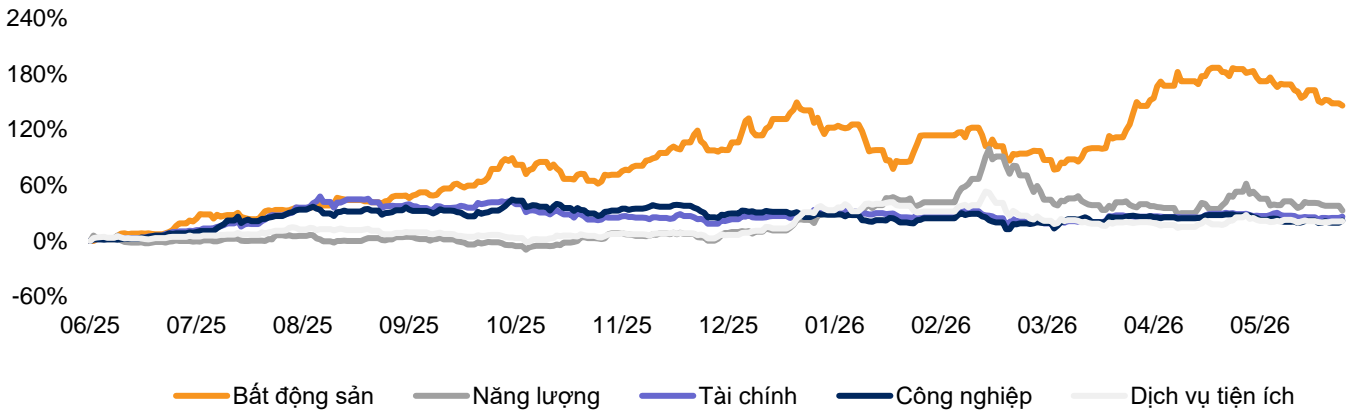
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	1,6%	3,2%	20,0	1,6	8,0%	2,2%	168.276	1,5%	17.878	0,8%	6,3%
Ấn Độ	NSE500 Index	1,3%	-4,1%	23,9	3,2	14,3%	1,2%	11.316	6,4%	-30.207	1,3%	-9,2%
Indonesia	JCI Index	4,1%	-27,7%	13,9	1,6	12,0%	4,3%	1.023	7,0%	-3.898	-0,6%	-8,2%
Singapore	FSTAS Index	1,1%	9,0%	17,4	1,5	9,3%	4,4%	1.566	1,7%	1.155	-0,1%	-0,1%
Malaysia	FBME Index	0,7%	2,1%	15,4	1,4	9,0%	3,8%	703	3,4%	-628	-2,4%	4,7%
Philippines	PCOMP Index	4,4%	-1,1%	7,7	0,5	6,3%	4,0%	101	5,8%	-235	2,1%	-6,7%
Thái Lan	SET Index	-0,1%	26,2%	12,8	1,5	8,6%	4,2%	1.840	1,6%	800	0,3%	-0,4%
Việt Nam	VN-Index	0,4%	0,8%	14,7	2,0	15,1%	1,4%	738	4,1%	-2.764	0,2%	-0,8%

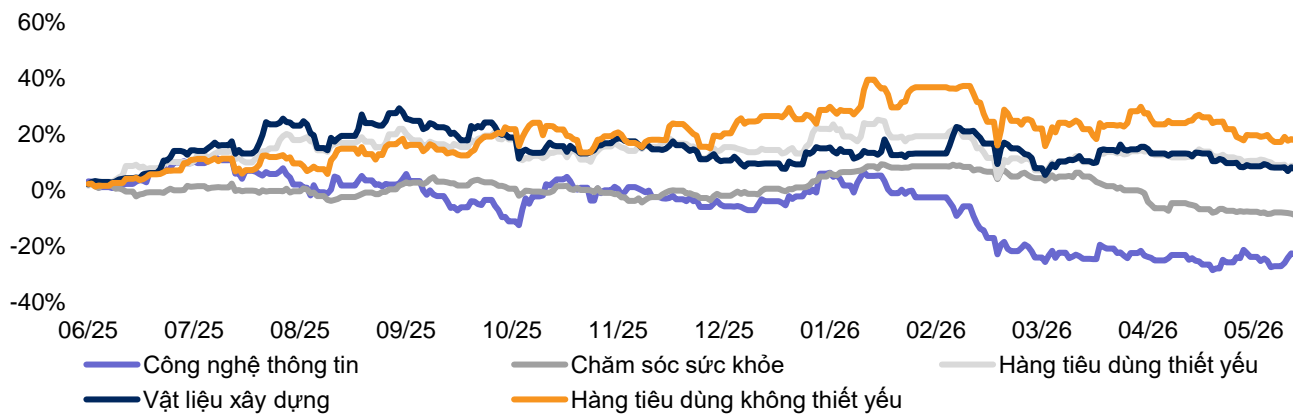
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



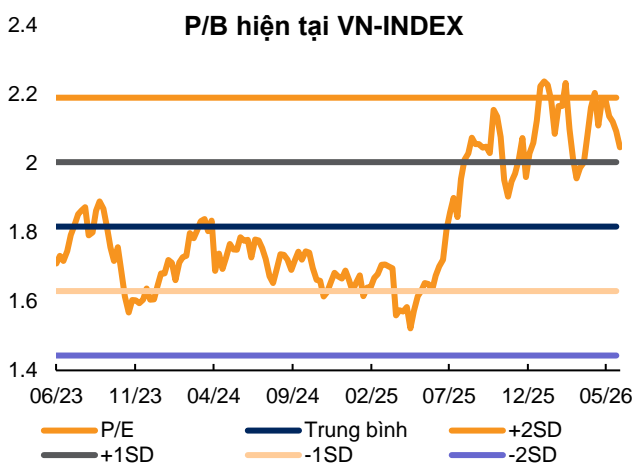
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



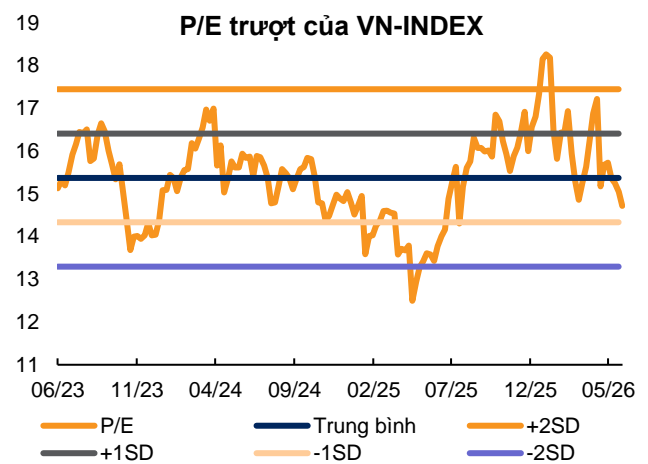
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



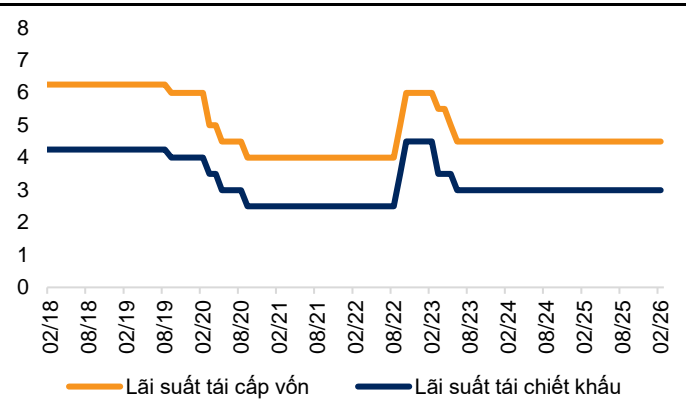
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,15	0,0	2,4	27,4	63,4
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	3,48	-19,1	-45,2	110,9	-11,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,42	1,5	12,8	-10,1	80,5
USD/VND	26.289	0,1	0,2	0,0	-0,8
DXY	99,51	-0,2	0,2	1,2	1,4
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,45	-0,8	-3,2	6,7	1,1
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,09	-1,0	-1,2	15,5	4,8

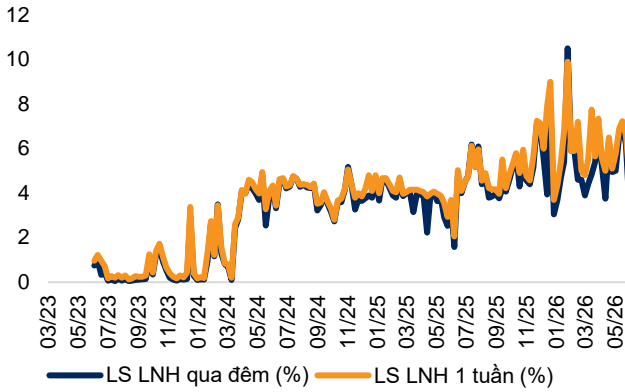
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



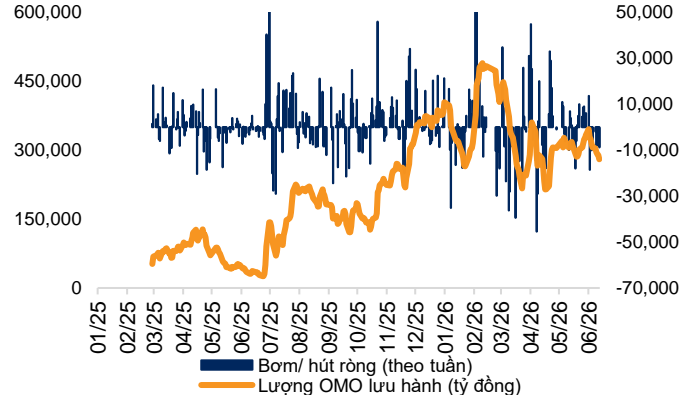
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



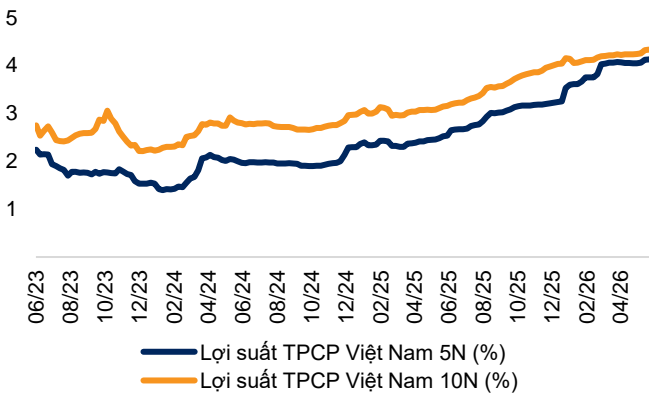
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÈNH OMO



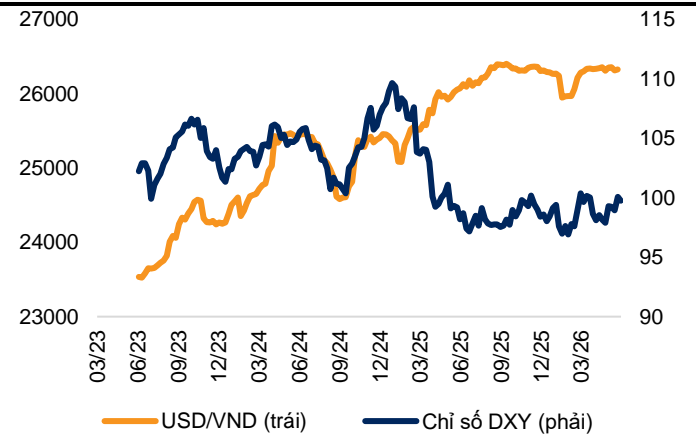
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-5,4%	-23,8%	10,0%
Brent Crude	-5,0%	-24,1%	11,8%
JKM LNG	-4,9%	4,0%	55,0%
Henry Hub LNG	0,0%	10,2%	50,8%
NW Thermal Coal	-3,2%	5,5%	5,5%
Singapore Platt FO	-3,3%	-15,5%	31,6%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	2,4%	-5,4%	25,8%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	4,1%	-8,3%	94,7%
Bạch kim	4,0%	-10,6%	47,0%

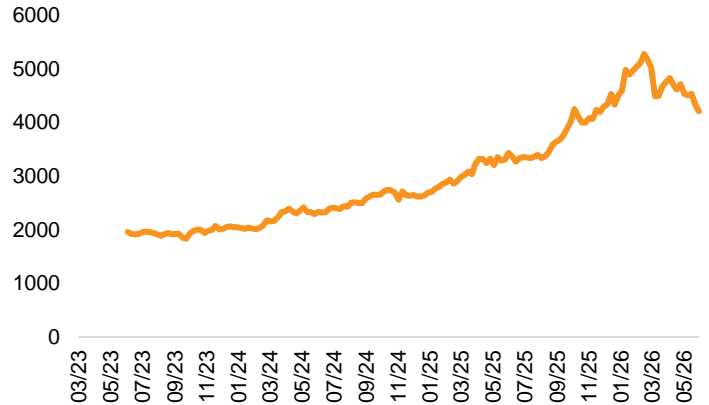
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	3,3%	578,2%
Đồng	0,7%	3,8%	34,8%
Nhôm	0,7%	-2,7%	40,1%
Niken	0,8%	-6,1%	17,8%
Kẽm	2,1%	0,0%	11,4%
Chì	NA	NA	NA
Thép	-0,2%	-0,5%	-1,3%
Quặng sắt	0,3%	-6,9%	3,4%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,1%	-4,3%	-12,7%
Arabica	0,7%	-9,0%	-26,0%
Đường	0,4%	-7,0%	-14,7%
Cacao	6,2%	0,3%	-58,9%
Dầu cọ	-0,6%	0,2%	NA
Bông	-0,2%	-9,7%	11,4%
Sữa bột	0,2%	-5,5%	-14,6%
Lúa mì	-1,8%	-9,8%	5,5%
Đậu tương	-0,4%	-5,8%	3,7%
Hạt điều	NA	0,0%	-2,6%
Cao su	1,4%	6,3%	40,8%
Urê	-16,4%	-42,1%	12,1%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	0,9%	7,2%	-6,0%
Gia súc	-0,6%	0,9%	9,5%

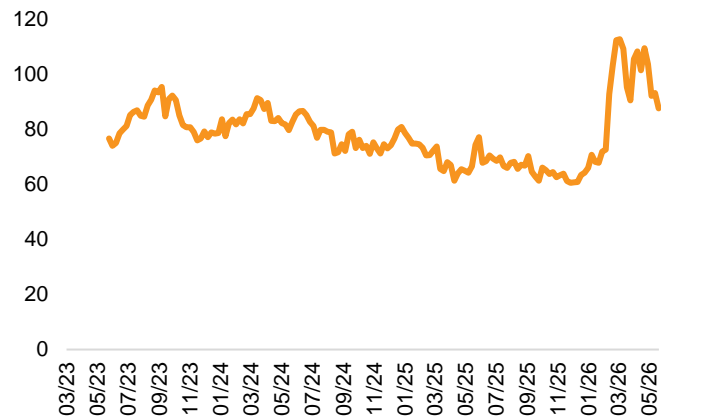
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.187	1,3	2.922	45.400	73.300	62,7%	1,2%	15,2	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.000	85.400	20,0%	1,4%	11,0	4,7	47%
HVN	2.675	0,6	581	22.600	43.400	94,8%	2,8%	8,9	11,9	
VJC	4.134	8,0	978	183.700	113.600	-37,6%	0,5%	42,3	4,2	11%
Bán lẻ										
BAF	405	2,4	190	35.050	37.200	6,1%		55,4	2,6	4%
DGW	338	2,2	88	40.200	49.600	25,9%	2,5%	13,8	2,4	19%
FRT	802	1,9	145	123.800	150.300	21,7%	0,3%	23,1	4,7	28%
MCH	6.416	2,0		130.300	147.000	14,4%	1,6%	24,6	9,8	42%
MWG	4.435	18,4	6	79.400	96.300	22,5%	1,3%	14,2	3,3	25%
PNJ	1.265	3,5	13	65.000	109.900	70,1%	1,0%	9,5	2,3	28%
QNS	678	0,2	275	48.500	53.400	14,2%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.366	1,3	979	48.500	59.900	29,7%	6,2%	13,3	2,8	21%
VHC	465	1,6	345	58.400	71.300	25,5%	3,4%	8,8	1,3	16%
VNM	4.746	8,1	2.431	59.700	74.800	30,1%	4,8%	13,6	3,8	28%
Tài chính										
ACB	5.023	17,0	275	22.750	31.300	40,3%	2,7%	8,1	1,3	18%
BID	11.520	11,7	1.432	41.600	47.200	14,5%	1,1%	9,5	1,6	18%
CTG	9.956	10,7	507	33.700	49.000	46,3%	0,9%	6,9	1,4	22%
HDB	4.798	11,8	261	25.200	39.500	59,3%	2,5%	6,9	1,6	25%
LPB	5.250	2,6	207	46.200	33.400	-21,2%	6,5%	12,4	2,8	23%
MBB	7.721	14,6	61	25.200	32.900	32,5%	2,0%	7,3	1,4	21%
STB	5.149	17,5	937	71.800	45.700	-35,5%	0,9%	17,7	2,2	8%
TCB	8.545	13,8	40	31.700	40.300	29,3%	2,2%	8,6	1,3	16%
TPB	1.736	5,7	109	16.450	17.800	14,0%	5,8%	6,2	1,0	18%
VCB	19.579	17,1	1.902	61.600	69.300	13,2%	0,7%	14,3	2,2	16%
VIB	2.104	4,2	12	16.250	23.600	50,8%	5,5%	7,3	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	7.922	14,9	457	26.250	37.100	43,2%	1,9%	7,9	1,2	16%
Dệt may										
MSH	147	0,2	63	34.300	40.600	21,3%	2,9%	6,3	2,0	33%
TCM	91	0,8	2	20.250	29.800	49,5%	2,4%	10,3	1,0	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.106	1,0	699	53.500	68.600	30,3%	2,1%	16,5	2,5	16%
GMD	1.291	4,1	103	79.600	72.000	-6,8%	2,8%	19,4	2,5	13%
HAH	350	1,8	68	54.500	55.400	3,1%	1,4%	7,6	2,0	27%
VSC	270	4,2	129	18.950	19.100	3,4%	2,6%	25,9	1,4	6%
IDC	629	2,9	206	43.600	45.600	8,0%	3,4%	8,9	2,5	31%
KBC	1.109	4,0	453	30.950	30.000	-1,9%	1,2%	18,9	1,2	7%
PHR	331	1,0	120	64.200	68.400	8,6%	2,1%	13,1	2,0	16%
VTP	430	1,5	281	65.400	129.200	98,8%	1,2%	31,1	6,1	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	691	7,3	305	47.850	128.300	174,4%	6,3%	7,4	1,2	17%
HPG	7.820	29,0	2.154	24.350	30.000	25,1%	1,9%	9,7	1,5	16%
Dầu khí										
BSR	5.047	15,8	2.398	26.500	16.700	-35,3%	1,6%	10,1	1,9	21%
GAS	7.581	6,3	3.558	82.600	78.400	-2,6%	2,5%	17,2	2,9	18%
OIL	543	2,1	35	13.800	14.800	9,1%	1,8%	40,2	1,4	3%
PLX	1.861	7,1	106	38.500	47.700	27,0%	3,1%	29,9	1,9	7%
PVD	618	5,2	256	29.250	32.600	20,0%	8,5%	13,9	0,9	7%
PVS	728	7,0	242	37.400	41.800	13,5%	1,7%	9,9	1,2	13%
PVT	381	6,1	136	19.400	23.400	21,7%	1,1%	8,8	1,1	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	612	5,3	279	23.650	22.700	-0,4%	3,7%	14,0	1,4	11%
DCM	749	6,3	301	37.200	40.000	12,9%	5,4%	9,6	1,7	19%
DDV	143	0,8	65	25.800	39.700	60,5%	6,6%	6,0	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	65	0,3	31	21.000	34.100	64,8%	2,4%	308,7	1,4	0%
Điện										
POW	1.622	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	328	2,2	107	21.200	37.400	78,6%	2,1%	13,0	1,3	10%
PC1	311	6,8	127	19.900	26.500	33,2%	0,0%	8,1	1,2	17%
REE	1.208	2,5	0	51.000	76.600	51,9%	1,7%	12,1	1,5	13%
Bất động sản										
DXG	630	9,0	189	13.050	18.300	55,6%	15,3%	70,0	1,2	2%
KDH	992	4,0	244	23.250	41.800	81,1%	1,3%	23,2	1,4	6%
NLG	484	2,7	49	26.250	42.200	62,7%	1,9%	19,4	1,0	6%
VHM	21.264	28,9	9.030	136.100	93.600			8,6	2,1	28%
VRE	2.468	8,0	900	28.550	32.000	15,8%	3,7%	9,4	1,3	15%
Công nghệ										
FPT	4.769	28,1	936	73.600	118.200	62,0%	1,4%	12,9	3,2	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA